

# CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI CLC

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI CLC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CLC VALUATION AND TRADE INVESTMENT CONSULTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110463730

3. Ngày thành lập: 28/08/2023

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 158E2, ngõ 2 đường Nguyễn Trục, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973.990.185

Fax:

Email: [Tuvandautuxdclc@gmail.com](mailto:Tuvandautuxdclc@gmail.com) Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                        | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                               | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                               | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                          | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                              | 4610     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                           | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                          | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                           | 4652     |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)                                                                                      | 4662     |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                      | 4663     |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                    | 8230     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh          | 8299     |
| 13. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                           | 9000     |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán) | 6619     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản<br>(trừ hoạt động tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6820        |
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>(Trừ hoạt động tư vấn Luật, Kế toán, Kiểm toán)<br>Chi tiết:<br>Khảo sát địa hình<br>Khảo sát địa chất công trình<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế cơ - điện công trình (không bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp);<br>Thiết kế cấp - thoát nước công trình;<br>Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ;<br>Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải);<br>Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn;<br>Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều;<br>Kinh doanh dịch vụ phòng cháy chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP)<br>Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Giám sát công tác xây dựng công trình;<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình;<br>Kiểm định xây dựng<br>Thuê tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng | 7110        |
| 17. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>(Trừ hoạt động tư vấn Luật, Kế toán, Kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7120        |
| 18. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310        |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410        |
| 20. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ chuyển giao công nghệ<br>Dịch vụ quan trắc môi trường<br>Dịch vụ tư vấn, lập quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường<br>Tư vấn đấu thầu<br>Dịch vụ giám định thương mại<br>Dịch vụ thẩm định giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7490(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                | 4931 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                          | 4933 |
| 24. | Vận tải đường ống<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                  | 4940 |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                       | 3320 |
| 26. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                             | 4101 |
| 27. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                       | 4102 |
| 28. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                 | 4211 |
| 29. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                  | 4212 |
| 30. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                      | 4221 |
| 31. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                           | 4222 |
| 32. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                      | 4291 |
| 33. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                               | 4292 |
| 34. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                         | 4293 |
| 35. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                    | 4299 |
| 36. | Phá dỡ<br>(loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                         | 4311 |
| 37. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                              | 4312 |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                         | 4321 |
| 39. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4741 |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4752 |
| 41. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                       | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ TUẤN DŨNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090055500

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn An Hòa, Xã Trầm Lộng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 158E2, ngõ 2 đường Nguyễn Trục, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ TUẤN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090055500

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn An Hòa, Xã Trầm Lộng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 158E2, ngõ 2 đường Nguyễn Trục, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội